**CÂU HỎI ÔN TẬP THI HKI CD 10 NĂM 2019-2020**

**BÀI 1. THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT**

**VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG**

**Câu 1:** Đối tượng nghiên cứu của Triết học Mác – Lênin là:

A. Những vấn đề chung nhất, phổ biến nhất của thế giới.

B. Những vấn đề quan trọng của thế giới đương đại.

C. Những vấn đề cần thiết của xã hội.

D. Những vấn đề khoa học xã hội

**Câu 2:**Định nghĩa nào dưới đây là đúng về Triết học?

A. Triết học là khoa học nghiên cứu về thế giới, về vị trí của con người trong thế giới.

B. Triết học là khoa học nghiên cứu về vị trí của con người trong thế giới.

C. Triết học là hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.

D. Triết học là hệ thống các quan điểm chung nhất về tự nhiên, xã hội và tư duy.

**Câu 3:**Sự phát triển của loài người là đối tượng nghiên cứu của:

A. Môn Xã hội học. B. Môn Lịch sử.

C. Môn Chính trị học. D. Môn Sinh học.

**Câu 4:** Sự phát triển và sinh trưởng của các loài sinh vật trong thế giới tự nhiên là đối tượng nghiên cứu của bộ môn khoa học nào dưới đây?

A. Toán học.       B. Sinh học.

C. Hóa học.       D. Xã hội học.

**Câu 5:** Nội dung nào dưới đây là đối tượng nghiên cứu của Hóa học?

A. Sự cấu tạo chất và sự biến đổi các chất.

B. Sự phân chia, phân giải của các chất hóa học.

C. Sự phân tách các chất hóa học.

D. Sự hóa hợp các chất hóa học.

**Câu 6:** Hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí con người trong thế giới là nội dung của:

A. Lí luận Mác – Lênin. B. Triết học.

C. Chính trị học. D. Xã hội học.

**Câu 7:** Nội dung dưới đây không thuộc kiến thức Triết học?

A. Thế giới tồn tại khách quan. B. Mọi sự vật hiện tượng luôn luôn vận động.

C. Giới tự nhiên là cái sẵn có. D. Kim loại có tính dẫn điện.

**Câu 8:** Khẳng định nào dưới đây là đúng?

A. Triết học là khoa học của các khoa học.

B. Triết học là một môn khoa học.

C. Triết học là khoa học tổng hợp.

D. Triết học là khoa học trừu tượng.

**Câu 9:** Triết học có vai trò nào dưới đây đối với hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người?

A. Vai trò đánh giá và cải tạo thế giới đương đại.

B. Vai trò thế giới quan và phương pháp đánh giá.

C. Vai trò định hướng và phương pháp luận.

D. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận chung.

**Câu 10.** Toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống gọi là

A. Quan niệm sống của con người. B. Cách sống của con người.

C. Thế giới quan. D. Lối sống của con người.

**Câu 11.** Hãy chọn thứ tự phát triển các loại hình thế giới quan dưới đây cho đúng.

A. Tôn giáo → Triết học → huyền thoại.

B. Huyền thoại → tôn giáo → Triết học.

C. Triết học → tôn giáo →huyền thoại.

D. Huyền thoại → Triết học → tôn giáo.

**Câu 12:**Vấn đề cơ bản của Triết học hiện đại là vấn đề quan hệ giữa

A. Tư duy và vật chất. B. Tư duy và tồn tại.

C. Duy vật và duy tâm. D. Sự vật và hiện tượng.

**Câu 13:** Giữa sự vật và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào là nội dung.

A. Mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học.

B. Mặt thứ hai vấn đề cơ bản của Triết học.

C. Khái niệm vấn đề cơ bản của Triết học.

D. Vấn đề cơ bản của Triết học.

**Câu 14:** Nội dung nào dưới đây là cơ sở để phân chia thế giới quan duy vật và duy tâm?

A. Cách trả lời mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học.

B. Cách trả lời thứ hai vấn đề cơ bản của Triết học.

C. Cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

D. Mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học.

**Câu 15:** Vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Giới tự nhiên tồn tại khách quan, không ai sáng tạo ra là quan điểm của

A. Thế giới quan duy tâm. B. Thế giới quan duy vật.

C. Thuyết bất khả tri. D. Thuyết nhị nguyên luận.

**Câu 16:** Thế giới quan duy tâm có quan điểm thế nào dưới đây về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

A. Vật chất là cái có trước và quyết định ý thức.

B. Ý thức là cái có trước và sản sinh ra giới tự nhiên.

C. Vật chất và ý thức cùng xuất hiện.

D. Chỉ tồn tại ý thức.

**Câu 17:** Theo nghĩa chung nhất, phương pháp là

A. Cách thức đạt được chỉ tiêu. B. Cách thức đạt được ước mơ.

C. Cách thức đạt được mục đích. D. Cách thức làm việc tốt.

**Câu 18:** Phương pháp luận là

A. Học tuyết về phương pháp nhận thức khoa học và cải tạo thế giới.

B. Học thuyết về các cách thức, quan điểm nghiên cứu khoa học.

C. Học thuyết về các phương pháp cải tạo thế giới.

D. Học thuyết về phương án nhận thức khoa học.

**Câu 19:** Nội dung nào dưới đây thuộc kiến thức triết học?

A. Hiện tượng oxi hóa của kim loại.

B. Mọi sự vật hiện tượng luôn luôn vận động.

C. Sự hình thành và phát triển của xã hội.

D. Hơi nước gặp lạnh ngưng tụ thành mưa.

**Câu 20:**Trong các câu tục ngữ dưới đây, câu nào có yếu tố biện chứng?

A. An cư lạc nghiệp. B. Môi hở rang lạnh.

C. Đánh bùn sang ao. D. Tre già măng mọc.

**Câu 21.** Quan niệm cho rằng ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra giới tự nhiên, sản sinh ra vạn vật, muôn loài thuộc thế giới quan của trường phái triết học nào ?

A. Duy vật B. Duy tâm C. Nhị nguyên luận D. Duy tân.

**Câu 22.** Quan niệm cho rằng: giữa vật chất và ý thức thì vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người, không do ai sáng tạo ra, không ai có thể tiêu diệt được thuộc thế giới quan của trường phái triết học nào sau đây:

A. Duy vật B. Duy tâm C. Nhị nguyên luận D. Duy tân.

**Câu 23.** Ở các ví dụ sau, ví dụ nào thuộc kiến thức triết học ?

A. Trong một tam giác vuông, bình phương cạnh huyền bằng tổng bình phương hai cạnh góc vuông

B. Mọi sự vật hiện tượng đều có quan hệ nhân quả.

C. Cạnh tranh là một quy luật tất yếu của mọi nền sản xuất hàng hoá

D. Không có sách thì không có kiến thức, không có kiến thức thì không có CNXH.

**Câu 24.** Những quy luật chung nhất, phổ biến nhất về sự vận động và phát triển của giới tự nhiên, đời sống xã hội và lĩnh vực tư duy là đối tượng nghiên cứu của :

A. Triết học B. Sử học C. Toán học D. Vật lí

**BÀI 3. SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**CỦA THẾ GIỚI VẬT CHẤT**

**Câu 1:** Vận động là mọi sự biến đổi nói chung của các sự vật, hiện tượng trong

A. Giới tự nhiên và tư duy.

B. Giới tự nhiên và đời sống xã hội

C. Thế giới khách quan và xã hội.

D. Đời sống xã hội và tư duy.

**Câu 2:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý kiến nào dưới đây là đúng?

A. Mọi sự biến đổi của sự vật hiện tượng là khách quan.

B. Mọi sự biến đổi đều là tạm thời.

C. Mọi sự biến đổi của sự vật, hiện tượng xuất phát từ ý thức của con người.

D. Mọi sự vật, hiện tượng không biến đổi.

**Câu 3:** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phát triển theo chiều hướng vận động nào dưới đây?

A. Ngắt quãng.       B. Thụt lùi.

C. Tuần hoàn.       D. Tiến lên.

**Câu 4:** Hình thức vận động nào dưới đây là cao nhất và phức tạp nhất?

A. Vận động cơ học. B. Vận động vật lí

C. Vận động hóa học D. Vận động xã hội.

**Câu 5:** Bằng vận động và thông qua vận động, sự vật hiện tượng đã thể hiện đặc tính nào dưới đây?

A. Phong phú và đa dạng. B. Khái quát và cơ bản.

C. Vận động và phát triển không ngừng D. Phổ biến và đa dạng.

**Câu 6:** Ý kiến nào dưới đây về vận động là không đúng?

A. Vận động là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn tại của sự vật, hiện tượng.

B. Vận động là mọi sự biến đổ nói chung của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống xã hội.

C. Triết học Mác – Lênin khái quát có năm hình thức vận động cơ bản trong thế giới vật chất.

D. Trong thế giới vật chất có những sự vật, hiện tượng không vận động và phát triển.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây thể hiện hình thức vận động cơ học?

A. Sự di chuyển các vật thể trong không gian.

B. Sự tiến bộ của những học sinh cá biệt.

C. Quá trình bốc hơi của nước.

D. Sự biến đổi của nền kinh tế.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây thể hiện hình thức vận động vật lí?

A. Quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật.

B. Sư thay đổi thời tiết của các mùa trong năm.

C. Quá trình điện năng chuyển hóa thành quang năng.

D. Quá trình thay thế các chế độ xã hội trong lịch sử.

**Câu 9:** Sự biến đổi của công cụ lao động từ đồ đá đến kim loại thuộc hình thức vận động nào dưới đây?

A. Cơ học       B. Vật lí

C. Hóa học       D. Xã hội

**Câu 10:** Hiện tượng thủy triều là hình thức vận động nào dưới đây?

A. Cơ học       B. Vật lí

C. Hóa học       D. Sinh học

**Câu 11.** Vận động viên điền kinh chạy trên sân vận động thuộc hình thức vận động nào dưới đây?

A. Cơ học       B. Vật lí

C. Sinh học       D. Xã hội

**Câu 12:** Các hình thức vận động cơ bản của thế giới vật chất có mối quan hệ với nhau như thế nào?

A. Độc lập tách rời nhau, không có mối quan hệ với nhau.

B. Có mối quan hệ hữu cơ với nhau và có thể chuyển hóa lẫn nhau.

C. Tồn tại riêng vì chúng có đặc điểm riêng biệt.

D. Không có mối quan hệ với nhau và không thể chuyển hóa lẫn nhau.

**Câu 13.** Câu nào dưới đây thể hiện hình thức vận động vật lí?

A. Sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.

B. Sự thay đổi các chế độ xã hội trong lịch sử.

C. Sự biến đổi của công cụ lao động qua các thời kì.

D. Sự chuyển hóa từ điện năng thành nhiệt năng.

**Câu 14.** Để sự vật hiện tượng có thể tồn tại được thì cần phải có điều kiện nào dưới đây?

A. Luôn luôn vận động. B. Luôn luôn thay đổi.

C. Sự thay thế nhau. D. Sự bao hàm nhau.

**Câu 15.** Ý kiến nào dưới đây là đúng khi bàn về mối quan hệ giữa các hình thức vận động?

A. Hình thức vận động thấp bao hàm các hình thức vận động cao.

B. Hình thức vận động cao bao hàm các hình thức vận động thấp.

C. Các hình thức vận động không bao hàm nhau.

D. Các hình thức vận động không có mối quan hệ với nhau.

**Câu 16.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, ý kiến nào dưới đây là đúng?

A. Sự vật và hiện tượng không biến đổi.

B. Sự vật và hiện tượng luôn không ngừng biến đổi.

C. Sự vật và hiện tượng trong xã hội lặp đi lặp lại.

D. Sự vật và hiện tượng biến đổi phụ thuộc vào con người.

**Câu 17.** Sự biến đổi nào dưới đây được coi là sự phát triển?

A. Sự biến đổi của sinh vật từ đơn bào đến đa bào.

B. Sự thoái hóa của một loài động vật theo thời gian.

C. Cây khô héo mục nát.

D. Nước đun nóng bốc thành hơi nước.

**Câu 18.** Trong thế giới vật chất, quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng vận động theo xu hướng nào dưới đây?

A. Vận động theo chiều hướng đi lên từ thấp đến cao.

B. Vận động đi lên từ thấp đến cao và đơn giản, thẳng tắp.

C. Vận động đi lên từ cái cũ đến cái mới.

D. Vận động đi theo một đường thẳng tắp.

**Câu 19.** Sự vận động nào dưới đây không phải là sự phát triển?

A. Bé gái → thiếu nữ →người phụ nữ trưởng thành →bà già.

B. Nước bốc hơi →mây →mưa →nước.

C. Học lực yếu →học lực trung bình → học lực khá

D. Học cách học →biết cách học.

**Câu 20.** Câu nào dưới đây nói về sự phát triển?

A. Rút dây động rừng B. Nước chảy đá mòn.

C. Tre già măng mọc D. Có chí thì nên.

**Câu 21.** Sự phát triển trong xã hội được biểu hiện ntn?

A. Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác tiến bộ hơn.

B. Sự tác động qua lại giữa các kết cấu vật chất ở mọi nơi trên thế giới.

C. Sự xuất hiện các hạt cơ bản.

D. Sự xuất hiện các giống loài mới.

**Câu 22.** Khi xem xét các sự vật, hiện tượng trong thế giới vật chất, chúng ta phải lưu ý những điều gì dưới đây?

A. Xem xét sự vật hiện tượng trong trạng thái bất biến.

B. Xem xét sự vật hiện tượng trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng.

C. Xem xét sự vật hiện tượng trong hoàn cảnh cụ thể của nó để tránh nhầm lẫn.

D. Xem xét sự vật hiện tượng trong hình thức vận động cao nhất của nó.

**Câu 23.** Theo quan điểm của Triết học duy vật biện chứng thì quan điểm nào dưới đây là đúng?

A. Mọi sự vận động đều là phát triển.

B. Vận động và phát triển không có mối quan hệ với nhau.

C. Không phải bất kì sự vận động nào cũng là phát triển.

D. Không phải sự phát triển nào cũng là vận động.

**Câu 24.** Khẳng định giới tự nhiên đã phát triển từ chưa có sự sống đến có sự sống, là phát triển thuộc lĩnh vực nào dưới đây?

A. Tự nhiên       B. Xã hội

C. Tư duy       D. Đời sống.

**Câu 25.** Trí tuệ của con người đã phát triển không ngừng, từ việc chế tạo ra công cụ lao động thô sơ đến những máy móc tinh vi là thể hiện sự phát triển trong lĩnh vực nào dưới đấy?

A. Tự nhiên    B. Xã hội

C. Tư duy    D. Lao động

**Câu 26.** Em không đồng ý với quan điểm nào dưới đây khi bàn về phát triển?

A. Sự phát triển diễn ra quanh co, phức tạp, không dễ dàng.

B. Cần xem xét và ủng hộ cái mới, cái tiến bộ

C. Cần giữ nguyên những đặc điểm của cái cũ

D. Cần tránh bảo thủ, thái độ thành kiến về cái mới.

**Câu 27.** Câu tục ngữ nào dưới đây không thể hiện sự phát triển?

A. Góp gió thành bão B. Kiến tha lâu cũng đầy tổ

C. Tre già măng mọc D. Đánh bùn sang ao.

**Câu 28.**Sự vận động theo hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ

kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn là:

A. Sự tăng trưởng B. Sự phát triển C. Sự tiến hoá D. Sự tuần hoàn

**Câu 29.**Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng là:

A. Cái mới ra đời giống như cái cũ

B. Cái mới ra đời tiến bộ, hoàn thiện hơn cái cũ

C. Cái mới ra đời lạc hậu hơn cái cũ

D. Cái mới ra đời thay thế cái cũ

**Câu 30.** Các sự vật, hiện tượng vật chất tồn tại được là do:

A. Chúng luôn luôn vận động

B. Chúng luôn luôn biến đổi

C. Chúng đứng yên

D. Sự cân bằng giữa các yếu tố bên trong của sự vật, hiện tượng

**Câu 31.**Sự biến đổi của công cụ lao động từ đồ đá đến kim loại thuộc hình thức vận động nào ?

A. Hoá học B. Vật lý C. Cơ học D. Xã hội

1. **Câu 32.** Mọi sự biến đổi nói chung của các sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên và xã hội là
2. A. Sự phát triển B. Sự vận động C. Mâu thuẫn D. Sự đấu tranh

**Câu 33.**Cây ra hoa kết trái thuộc hình thức vận động nào ?

1. A. Hoá học B. Sinh học C. Vật lý C. Cơ học

**Câu 34.**Hiện tượng thanh sắt bị han gỉ thuộc hình thức vận động nào ?

1. A. Cơ học B. Vật lý C. Hoá học D. Sinh học

**BÀI 4. NGUỒN GỐC VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**CỦA SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG**

1. **Câu 1.** Theo Triết học Mác – Lênin mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó hai mặt đối lập
2. A. Vừa xung đột nhau, vừa bài trừ nhau.
3. B. Vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau.
4. C. Vừa liên hệ với nhau, vừa đấu tranh với nhau.
5. D. Vừa chuyển hóa, vừa đấu tranh với nhau.
6. **Câu 2.** Mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó có
7. A. Hai mặt đối lập B. Ba mặt đối lập
8. C. Bốn mặt đối lập D. Nhiều mặt đối lập.
9. **Câu 3.** Trong một chỉnh thể, hai mặt đối lập vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau, Triết học gọi đó là
10. A. Mâu thuẫn       B. Xung đột
11. C. Phát triển       D. Vận động.
12. **Câu 4.** Mặt đối lập của mâu thuẫn là những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng, chúng phát triển theo những chiều hướng
13. A. Khác nhau B. Trái ngược nhau
14. C. Xung đột nhau D. Ngược chiều nhau
15. **Câu 5.** Để trở thành mặt đối lập của mâu thuẫn, các mặt đối lập phải
16. A. Liên tục đấu tranh với nhau
17. B. Thống nhất biện chứng với nhau
18. C. Vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau
19. D. Vừa liên hệ với nhau, vừa đấu tranh với nhau
20. **Câu 6.** Hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, Triết học gọi đó là
21. A. Sự khác nhau giữa các mặt đối lập B. Sự phân biệt giữa các mặt đối lập
22. C. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập D. Sự thống nhất giữa các mặt đối lập.
23. **Câu 7.** Hai mặt đối lập vận động và phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau, nên chúng luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau, Triết học gọi đó là
24. A. Sự đấu trah giữa các mặt đối lập. B. Sự tồn tại giữa các mặt đối lập
25. C. Sự phủ định giữa các mặt đối lập D. Sự phát triển giữa các mặt đối lập
26. **Câu 8.** Theo quan điểm Triết học, mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng
27. A. Sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập B. Sự phủ định giữa các mặt đối lập
28. C. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập D. Sự điều hòa giữa các mặt đối lập
29. **Câu 9.** Sự thống nhất giữa các mặt đối lập được hiểu là, hai mặt đối lập
30. A. Cùng bổ sung cho nhau phát triển
31. B. Thống nhất biện chứng với nhau
32. C. Liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề để cho nhau tồn tại
33. D. Gắn bó mật thiết với nhau, chuyển hóa lẫn nhau
34. **Câu 10.** Theo quan điểm Triết học, mâu thuẫn là
35. A. Một tập hợp B. Một thể thống nhất
36. C. Một chỉnh thể D. Một cấu trúc
37. **Câu 11.** Nội dung nào dưới đây không đúng về mâu thuẫn trong Triết học?
38. A. Bất kì mặt đối lập nào cũng tạo thành mâu thuẫn
39. B. Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.
40. C. các mặt đối lập của mâu thuẫn vừa thống với nhau, vừa đấu tranh với nhau.
41. D. Mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó có hai mặt đối lập
42. **Câu 12.** Biểu hiện nào dưới đây là mâu thuẫn theo quan điểm Triết học?
43. A. Giai cấp nông dân đấu tranh chống lại địa chủ trong xã hội phong kiến
44. B. Nam và Lan hiểu lầm nhau dẫn đến to tiếng
45. C. Mĩ thực hiện chính sách cấm vận I-ran
46. D. Hai gia đình hàng xóm tranh chấp đất đai
47. **Câu 13.** Kết quả của sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là
48. A. Sự vật hiện tượng được giữ nguyên trạng thái cũ.
49. B. Sự vật, hiện tượng cũ được thay thế bằng sự vật, hiện tượng mới.
50. C. Sự vật, hiện tượng bị biến đổi theo chiều hướng tích cực
51. D. Sự vật, hiện tượng bị tiêu vong.
52. **Câu 14.** Điều kiện để hình thành một mẫu thuẫn theo quan điểm Triết học là
53. A. Có hai mặt đối lập ràng buộc, tác động lẫn nhau.
54. B. Có hai mặt đối lập liên hệ chặt chẽ với nhau
55. C. Có những mặt đối lập xung đột với nhau.
56. D. Có nhiều mặt đối lập trong một sự vật.
57. **Câu 15**. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập có biểu hiện là, các mặt đối lập luôn luôn
58. A. Xung đột với nhau B. Có xu hướng ngược chiều nhau
59. C. Tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau D. Mâu thuẫn với nhau.
60. **Câu 16.** Nội dung nào dưới đây đúng khi nói về mâu thuẫn Triết học
61. A. Mâu thuẫn Triết học là phương thức tồn tại của thế giới vật chất
62. B. Mẫu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng
63. C. Mâu thuẫn là cách thức vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng
64. D. Mâu thuẫn là khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng
65. **Câu 17.** Nội dung nào dưới đây không đúng về sự thống nhất giữa các mặt đối lập của mâu thuẫn?
66. A. Hai mặt đối lập cùng tồn tại trong một mâu thuẫn
67. B. Hai mặt đối lập cùng gạt bỏ nhau.
68. C. Hai mặt đối lập làm tiền đề tồn tại cho nhau
69. D. Hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau.
70. **Câu 18.** Ý kiến nào dưới đây về sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập là đúng?
71. A. Đấu tranh và thống nhất đều là tương đối.
72. B. Đấu tranh và thống nhất đều là tuyệt đối.
73. C. Đấu tranh là tuyệt đối, thống nhất là tương đối.
74. D. Đấu tranh là tương đối, thống nhất là tuyệt đối.
75. **Câu 19.**Sự vật, hiện tượng nào dưới đây là mặt đối lập của mâu thuẫn theo quan điểm Triết học?
76. A. Bảng đen và phấn trắng B. Thước dài và thước ngắn
77. C. Mặt thiện và ác trong con người. D. Cây cao và cây thấp.
78. **Câu 20.** Mỗi sinh vật có quá trình đồng hóa thì phải có quá trình dị hóa, nếu chỉ có một quá trình thì sinh vật sẽ chết, theo quan điểm Triết học đây là
79. A. Quy luật tồn tại của sinh vật B. Sự đồng nhất giữa các mặt đối lập
80. C. Sự thống nhất giữa các mặt đối lập D. Sự liên hệ giữa các mặt đối lập
81. **Câu 21.** Biểu hiện nào dưới đây lí giải đúng về nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng?
82. A. Sự biến đổi về lượng và chất B. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.
83. C. Sự phủ định biện chứng. D. Sự chuyển hóa của các sự vật
84. **Câu 22.** “Trải qua nhiều cuộc đấu tranh giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ trong xã hội phong kiến, mà đỉnh cao là thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã dẫn đến việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Đoạn văn trên thể hiện những quy luật nào của Triết học?
85. A. Quy luật mâu thuẫn, quy luật lượng – chất, quy luật phủ định của phủ định.
86. B. Quy luật mâu thuẫn, quy luật phủ định của phủ định, quy luật biến đổi.
87. C. Quy luật lượng – chất, quy luật phủ định của phủ định, quy luật tiến hóa.
88. D. Quy luật lượng – chất, quy luật vận động, quy luật phủ định của phủ định.
89. **Câu 23.** Trong đời sống văn hóa ở nước ta hiện nay, bên cạnh những tư tưởng văn hóa tiến bộ còn tồn tại những hủ tục lạc hậu. Cần làm gì để xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa theo quan điểm mâu thuẫn Triết học?
90. A. Giữ nguyên đời sống văn hóa như hiện nay. B. Đấu tranh xóa bỏ những hủ tục cũ
91. C. Tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. D. Phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.
92. **Câu 24.** Cần làm gì để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống theo quan điểm Triết học?
93. A. Thực hiện chủ trương “dĩ hòa vi quý”. B. Tránh tư tưởng “đốt cháy giai đoạn”
94. C. Tiến hành phê bình và tự phê bình. D. Điều hòa mẫu thuẫn.
95. **Câu 25.** Nhằm trục lợi, nhiều kẻ xấu đã thực hiện hành vi “rải đinh” trên đường giao thong. Theo quan điểm mâu thuẫn Triết học, cách nào dưới đây sẽ giải quyết triệt để tình trạng này?
96. A. Tham gia dọn sạch đinh trên đường.
97. B. Đấu tranh ngăn chặn, xử lí những kẻ rải đinh.
98. C. Chú ý điều khiển phương tiện tránh những vật sắc nhọn trên đường.
99. D. Đặt biển cảnh báo tại những đoạn đường có tình trạng “đinh tặc”.

**Câu 26.** Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là :

A. Các mặt đối lập luôn tác động, loại bỏ, bài xích, thủ tiêu lẫn nhau, chuyển hoá cho

nhau.

B. Các mặt đối lập luôn tác động, gắn bó, gạt bỏ nhau

C. Các mặt đối lập luôn tác động, gạt bỏ, bài trừ lẫn nhau

D. Các mặt đối lập triệt tiêu nhau.

**Câu 27.** Hiểu như thế nào là không đúng về sự thống nhất giữa các mặt đối lập của mâu thuẫn triết học?

A. Hai mặt đối lập cùng tồn tại trong một chỉnh thể

B. Hai mặt đối lập liên hệ, gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau

C. Không có mặt này thì không có mặt kia

D. Hai mặt đối lập hợp lại thành một khối thống nhất.

**Câu 28.** Mặt đối lập của mâu thuẫn là:

A. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng chúng đi theo chiều hướng trái ngược nhau

B. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động của sự vật, hiện tượng, chúng đi theo chiều hướng khác nhau

C. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động của sự vật, hiện tượng, chúng phát triển theo cùng một chiều

D. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động của sự vật, hiện tượng, chúng không chấp nhận nhau.

**Câu 29.** Khi mâu thuẫn được giải quyết thì có tác dụng như thế nào ?

A. Sự vật hiện tượng có sự chuyển biến tích cực

B. Sự vật hiện tượng tự mất đi và được thay thế bằng một sự vật, hiện tượng khác

C. Sự vật, hiện tượng phát triển

D. Sự vật, hiện tượng vẫn tồn tại.

**Câu 30.** Mâu thuẫn chỉ được giải quyết khi nào ?

A. Các mặt đối lập còn tồn tại

B. Các mặt đối lập bị thủ tiêu, chuyển thành cái khác

C. Các mặt đối lập đấu tranh gay gắt với nhau

D. Một mặt đối lập bị thủ tiêu, mặt kia còn tồn tại

**Câu 31.**Trong các ví dụ sau, ví dụ nào không phải là mâu thuẫn theo quan niệm triết học**?**

A. thuẫn giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị trong xã hội có giai cấp đối kháng,

B. Mâu thuẫn giữa các học sinh tích cực và các học sinh cá biệt trong lớp,

C. Mâu thuẫn giữa hai nhóm học sinh do sự hiểu nhầm lẫn nhau.

D. Sự xung đột giữa nhu cầu phát triển kinh tế và yêu cầu bảo vệ môi trường.

1. **Câu** 32. Mâu thuẫn là một chỉnh thể trong đó hai mặt đối lập vừa...........,vừa..........
   * + - 1. A. đấu tranh với nhau -tồn tại cùng nhau B. tồn tại cùng nhau -thống nhất với nhau
         2. C. thống nhất với nhau -đấu tranh với nhau D. thống nhất với nhau-tồn tại cùng nhau
2. **Câu** 33. Mặt đối lập của mâu thuẫn đó là những khuynh hướng tính chất đặc điểm mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng chúng phát triển theo những ....
   1. A. chiều hướng cùng chiều B. chiều hướng tiến lên
   2. C. chiều hướng trái ngược nhau D. chiều hướng đi xuống

**BÀI 5. CÁCH THỨC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN.**

**Câu 1.**Trong Triết học, khái niệm chất dùng để chỉ

A. Những thuộc tính bản chất nhất của sự vật và hiện tượng

B. Những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, phân biệt nó với các sự vật và hiện tượng khác.

C. Những thành phần cơ bản để cấu thành sự vật, hiện tượng

D. Những yếu tố, thuộc tính, đặc điểm căn bản của sự vật, hiện tượng

**Câu 2.**Để phân biệt sự vật, hiện tượng này với các sự vật và hiện tượng khác, cần căn cứ vào yếu tố nào dưới đây?

A. Lượng       B. Chất

C. Độ       D. Điểm nút

**Câu 3.**Những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, tiêu biểu cho sự vật và hiện tượng đó, phân biệt nó với các sự vật và hiện tượng khác là khái niệm

A. Lượng       B. Hợp chất

C. Chất       D. Độ

**Câu 4.**Trong Triết học, độ của sự vật và hiện tượng là giới hạn mà trong đó

A. Chưa có sự biến đổi nào xảy ra

B. Sự biến đổi về lượng làm thay đổi về chất của sự vật

C. Sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất.

D. Sự biến đổi của chất diễn ra nhanh chóng

**Câu 5.**Trong cách thức vận động, phát triển, mỗi sự vật và hiện tượng đều có hai mặt thống nhất với nhau, đó là

A. Độ và điểm nút B. Điểm nút và bước nhảy

C. Chất và lượng D. Bản chất và hiện tượng.

**Câu 6.**Sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất khác nhau ntn?

A. Chất biến đổi trước, hình thành lượng mới tương ứng

B. Lượng biến đổi nhanh, chất biến đổi chậm

C. Lượng biến đổi trước và chậm, chất biến đổi sau và nhanh

D. Chất và lượng biến đổi nhanh chóng.

**Câu 7.**Điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi của lượng làm thay đổi chất của sự vật và hiện tượng được gọi là

A. Độ       B. Lượng

C. Bước nhảy       D. Điểm nút.

**Câu 8.**Trong Triết học, điểm nút là điểm giới hạn mà tại đó

A. Các sự vật thay đổi B. Sự vật và hiện tượng thay đổi về chất

C. Lượng mới ra đời D. Sự vật mới hình thành, phát triển.

**Câu 9.**Khi sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định, phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng thì

A. Sự vật thay đổi B. Lượng mới hình thành

C. Chất mới ra đời D. Sự vật phát triển

**Câu 10.**Điều kiện để chất mới ra đời là gì?

A. Tang lượng liên tục B. Lượng biến đổi trong giới hạn cho phép

C. Lượng biến đổi đạt tới điểm nút D. Lượng biến đổi nhanh chóng

**Câu 11.**Khái niệm dung để chỉ những thuộc tính cơ bản vốn có của sự vật, hiện tượng, biểu thị trình độ phát triển, quy mô tốc độ vận động của sự vật, hiện tượng là

A. Bước nhảy       B. Chất

C. Lượng       D. Điểm nút

**Câu 12.**Giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất của sự vật và hiện tượng được gọi là

A. Độ       B. Lượng

C. Chất       D. Điểm nút

**Câu 13.**Trong Triết học, chất mới ra đời lại bao hàm

A. Một hình thức mới. B. Một diện mạo mới tương ứng

C. Một lượng mới tương ứng D. Một trình độ mới tương ứng.

**Câu 14.**Cách hiểu nào dưới đây về mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất là đúng?

A. Mọi sự biến đổi về lượng đều dẫn đến sự biến đổi về chất

B. Lượng biến đổi dần dần đạt tới một giới hạn nhất định làm cho chất biến đổi

C. Chất mới ra đời vẫn giữ nguyên lượng cũ

D. Lượng biến đổi liên tục làm cho chất thay đổi

**Câu 15.**Cách giải thích nào dưới đây đúng khi nói về cách thức vận độngphát triển của sự vật và hiện tượng?

A. Do sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đối về chất

B. Do sự đấu tranh giữa các mặt đối lập

C. Do sự phủ định biện chứng

D. Do sự vận động của vật chất

**Câu 16.**Biều hiện nào dưới đây chỉ ra cách thức làm thay đổi chất của sự vật, hiện tượng?

A. Liên tục thực hiện các bước nhảy

B. Kiên trì tích lũy về lượng đến một mức cần thiết

C. Bổ sung cho chất những nhân tố mới

D. Thực hiện các hình thức vận động.

**Câu 17.**Hiện tượng nào dưới đây thể hiện mặt lượng của sự vật?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2015 cao hơn so với năm 2014

B. Muối tồn tại ở dạng tinh thể màu trắng, vị mặn dễ hòa tan trong nước.

C. Lan là một học sinh thong minh, nhiệt tình giúp đỡ bạn

D. Cuốn tiểu thuyết mới ra mắt được bạn đọc nồng nhiệt đón nhận

**Câu 18.** Việt Nam là một quốc gia ở Đông Nam Á với số dân 90,73 triệu người (năm 2014), lãnh thổ tiếp giáp với 3 nước Lào, Cam-pu-chia, Trung Quốc và tiếp giáp biển Đông. Chỉ ra mặt lượng trong thông tin trên.

A. Việt Nam B. 90,73 triệu.

C. Cam – pu – chia D. Ở Đông Nam Á.

**Câu 19.** Trong những câu dưới đây, câu nào thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đễn chất đổi

A. Mưa dầm thầm lâu B. Học thầy không tày học bạn

C. Góp gió thành bão D. Ăn vóc học hay

**Câu 20.** Để thực hiện tốt quy luật lượng – chất, cần tránh tư tưởng nào dưới đây?

A. Nôn nóng đốt cháy giai đoạn B. Ngại khó ngại khổ

C. Dĩ hòa vi quý D. Trọng nam khinh nữ.

**Câu 21.**Dựa vào quy luật lượng – chất để lí giải tại sao việc kết hôn của các cô gái Việt Nam với người nước ngoài thông qua môi giới thường tan vỡ?

A. Do không hòa hợp được về văn hóa

. Chưa đủ thời gian tìm hiểu nhau để xây dựng tình yêu đích thực

C. Trình độ các cô dâu Việt Nam còn thấp

D. Người nước ngoài có lối sống tự do, phóng khoáng trong hôn nhân

**Câu 22.** Để tạo ra sự biến đổi về chất trong học tập và rèn luyện, em chọn phương án nào dưới đây?

A. Cái dễ không cần học vì có thể tự hiểu được.

B. Kiên trì học tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp

C. Chép bài của những bạn học giỏi trong giờ kiểm tra

D. Sử dụng “phao” trong thi học kì

**Câu 23.**Quan điểm nào dưới đây không phản ánh đúng mối quan hệ biện chứng giữa lượng và chất?

A. Lượng đổi làm cho chất đổi

B. Mỗi chất lại có một lượng tương ứng

C. Chất và lượng là hai mặt thống nhất trong một sự vật

D. Chất mới ra đời vẫn giữ nguyên lượng cũ

1. **Câu 1.** Khái niệm dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật, hiện tượng biểu thị trình độ phát triển, số lượng, quy mô, tốc độ vận động của sự vật, hiện tượng là:
   1. A. Mặt đối lập B. Chất
   2. C. Lượng D. Độ
2. **Câu 2**. Khái niệm dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật, hiện tượng, tiêu biểu cho sự vật, hiện tượng đó và phân biệt nó với sự vật, hiện tượng khác là
3. A. Điểm nút B. Chất
4. C. Lượng D. Độ
5. **Câu 3**. Khoảng giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa dẫn tới sự biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng là:
6. A. Điểm nút B. Bước nhảy
7. C. Lượng D. Độ
8. **Câu 4.** Điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi của lượng làm thay đổi chất của sự vật và hiện tượng được gọi là:
9. A. Điểm nút B. Bước nhảy
10. C. Chất D. Độ
11. **Câu 5.** Phát triển là khái niệm dùng để khái quát những vận động theo ........... từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ thay thế cái lạc hậu
12. A. chiều hướng cân bằng B. chiều hướng thụt lùi
13. C. chiều hướng tiến lên D. chiều hướng ổn định

**Câu 7.** Để chất mới ra đời nhất thiết phải:

1. A. Tích lũy dần về lượng.
2. B. Tạo ra sự biến đổi về lượng.
3. C. Tạo ra sự thống nhất giữa chất và lượng.
4. D. Tạo ra sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định.
5. **Câu 8.** Khái niệm chất được dùng để chỉ:
6. A. Quy mô của sự vật, hiện tượng.
7. B. Trình độ của sự vật, hiện tượng.
8. C. Cấu trúc lien kết của sự vật, hiện tượng.
9. D. Thuộc tính cơ bản vốn có của sự vật, hiện tượng.
10. **Câu 10.** Chất theo nghĩa triết học:
11. A. Chất liệu tạo nên sự vật đó.
12. B. Phân biệt nó với svht khác.
13. C. Thuộc tinh cơ bản,vốn có, tiêu biểu cho svht.
14. D. Thuộc tinh cơ bản,vốn có, tiêu biểu cho svht, phân biệt nó với svht khác.
15. **Câu 11.** Sự biến đổi về lượng diễn ra một cách:
16. A. Dần dần. C. Chầm chậm.
17. B. Từ từ. D. Tăng tốc.
18. **Câu 14.** Mặt chất và mặt lượng trong mỗi sự vật, hiện tượng luôn
19. A. Tách rời nhau. C. Ở bên cạnh nhau.
20. B. Thống nhất với nhau. D. Hợp thành một khối.
21. **Câu 15.** Khi chất mới ra đời thì:
22. A. Lượng mất đi
23. B. Lượng cũ thay đổi.
24. C. Lượng cũ vẫn giữ nguyên
25. D. Lượng cũ bị thay thế bằng một lượng mới tương ứng
26. **Câu 16:** Em **không** đồng ý với quan điểm nào trong các quan điểm sau: Để tạo ra sự biến đổi về chất trong học tập, rèn luyện thì học sinh cần phải:
27. A. Học từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp
28. B. Cái dễ thì không cần phải học tập vì ta đã biết và có thể làm được
29. C. Kiên trì, nhẫn lại, không chùn bước trước những vấn đề khó khăn
30. D. Tích luỹ dần dần
31. **Câu 17**: Giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất thì:
32. A. Chất biến đổi chậm, lượng biến đổi nhanh chóng
33. B. Lượng biến đổi chậm, chất biến đổi nhanh chóng
34. C. Cả chất và lượng cùng biến đổi từ từ.
35. D. Cả chất và lượng cùng biến đổi nhanh chóng.
36. **Câu 18**: Sự biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng bao giờ cũng bắt đầu từ:
37. A. Sự biến đổi về lượng.
38. B. Sự thay đổi những thuộc tính cơ bản của lượng
39. C. Quá trình biến đổi trạng thái của lượng
40. D. Sự thay đổi lượng đặc trưng
41. **Câu 19.** Độ của sự vật hiện tượng là
42. A. Sự biểu hiện mối quan hệ qua lại giữa chất và lượng
43. B. Giới hạn của sự vật, hiện tượng
44. C. Sự thống nhất, liên hệ qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa chất và lượng
45. D**.** Giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất.
46. **Câu 20.** Câu nào sau đây không phản ánh đúng mối quan hệ biện chứng giữa chất và lượng:
47. A. Lượng biến đổi dẫn đến chất biến đổi
48. B. Chất quy định lượng
49. C. Chất và lượng luôn có sự tác động lẫn nhau
50. D. Cả chất và lượng cùng biến đổi nhanh chóng.
51. **Câu 22.** Nếu dùng các khái niệm “trung bình”, “khá”, “giỏi” … để chỉ chất của quá trình học tập của học sinh thì lượng của nó là gì?
52. A. Điểm số kiểm tra hàng ngày
53. B. Điểm kiểm tra cuối các học kỳ
54. C. Điểm tổng kết cuối các học kỳ
55. D. Khối khối lượng kiến thức, mức độ thuần thục về kỹ năng mà học sinh đã tích luỹ, rèn luyện được.
56. **Câu 23**. Câu nói nào sau đây không nói về lượng và chất**?**
57. A. Dốt đến đâu học lâu cũng biết. B. Góp gió thành bão.
58. C. Năng nhặt chặt bị D. Chị ngã em nâng.
59. **Câu 26. Câu nào trong các câu tục ngữ sau đây nói về lượng và chất:**
60. A. Dốt đến đâu học lâu cũng biết. B. Học một biết mười.
61. C. Lá lành đùm lá rách. D. Môi hở răng lạnh.
62. **Câu 27**. Sự biến hoá nào sau đây được coi là sự phát triển?
63. A. Sự biến hoá của sinh vật từ đơn bào đến đa bào
64. B. sự thoái hoá của một loài động vật
65. C. Sự thụt lùi của nền kinh tế.
66. D. Sự suy thoái của một chế độ xã hội.
67. **Câu 28**. Sự dao động của con lắc” thuộc hình thức vận động cơ bản nào của thế giới vật chất?
68. A. Vận động cơ học B. Vận động xã hội
69. C. Vận động sinh học D. Vận động đều
70. **Câu 29.** Câu nào thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đến chất đổi?
71. A. Chín quá hoá nẫu B. Có công mài sắt có ngày nên kim
72. C. Đánh bùn sang ao D. Kiến tha lâu đầy tổ
73. **Câu** **30.** Đối với mỗi quốc gia, lượng là..............., diện tích lãnh thổ của nước ấy
74. A. tài sản C. dân số
75. B. sản phẩm D. thu nhập người dân
76. **Câu** **31.** Đối với mỗi phân tử nước, .............. là số nguyên tử tạo thành nó, tức 2 nguyên tử hidrô và 1 nguyên tử ôxi
77. A. Chất B. lượng C. chất mới D. Độ
78. **Câu 32.** Hành động nào sau đây không trái với quy luật của sự phát triển?
79. A. Kiên trì, nhẫn nại. B. Nôn nóng, nữa vời.
80. C. Đốt cháy giai đoạn. D. Thiếu kiên nhẫn.
81. **Câu 33.** Đoạn thơ sau: “Dù bay lên sao hỏa, Sao kim cũng bay từ mặt đất. Dù lớn tựa thiên thần cũng dòng sữa ngọt mẹ nuôi. Phải cần mẫn như con ong kéo mật. Phải cần cù như con nhện chăng tơ. Quả chín trên cây là quả chín dần dà.” Nói về:
82. A. Quy luật phủ định của phủ định. C. Quy luật mâu thuẫn.
83. B. Quy luật lượng đổi, chất đổi. D. Khuynh hướng của sự phát triển.

**Câu 34.** Những hành động nào sau đây trái với qui luật của sự phát triển?

A. Thiếu kiên trì, nôn nóng, đốt cháy giai đoạn.

B. Cố gắng vượt khó, ra sức học tập tích lũy kiến thức.

1. C. Rèn luyện từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.
2. D. Không ngừng học tập để tránh tụt hậu.
3. **Câu 35.** Em không đồng ý với ý kiến nào sau đây?
4. A. Con người là chủ nhân của các giá trị vật chất.
5. B. Con người là động lực của mọi biến đổi xã hội.
6. C. Các vị thần đã quyết định các biến đổi lịch sử.
7. D. Con người sáng tạo ra lịch sử trên cơ sở nhận thức và vận độngcủa qui luật khách quan.
8. **Câu 36.** Trong các dạng vận động dưới đây dạng vận động nào được xem là sự phát triển?
9. A. Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông thay đổi trong năm
10. B. Chiếc xe ô tô từ điểm A đến điểm B
11. C. Tư duy trong quá trình học tập
12. D. Các nguyên tử quay quanh hạt nhân của nó
13. **Câu 37:** Theo quan điểm của Triết học Mác- Lênin, vận động là :
14. A. Mọi sự thay đổi về vật chất của các sự vật, hiện tượng
15. B. Mọi sự thay đổi về vị trí của các sự vật, hiện tượng
16. C. Mọi sự biến đổi nói chung của các sự vật, hiện tượng
17. D. Mọi sự di chuyển nói chung của các sự vật, hiện tượng
18. **Câu 38:** Sự vận động của thế giới vật chất là
19. A. Quá trình mang tính chủ quan B. Quá trình mang tính khách quan
20. C. Do thượng đế quy định D. Do một thế lực thần bí quy định
21. **BÀI 6. KHUYNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG.**
22. **(BÀI 6 KHÔNG CÓ ÔN THI)**
23. **Câu 1.**Phủ định siêu hình là sự phủ định được diễn ra do
24. A. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng B. Sự tác động từ bên ngoài
25. C. Sự tác động từ bên trong D. Sự biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng
26. **Câu 2.**Khẳng định nào dưới đây đúng về phủ định siêu hình?
27. A. Phủ định siêu hình kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật cũ.
28. B. Phủ định siêu hình thúc đẩy sự vật, hiện tượng phát triển.
29. C. Phủ định siêu hình xóa bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật.
30. D. Phủ định siêu hình là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn.
31. **Câu 3.**Câu tục ngữ nào dưới đây là đúng khi nói về phủ định siêu hình?
32. A. Tre già măng mọc B. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
33. C. Con hơn cha là nhà có phúc D. Có mới nới cũ
34. **Câu 4.**Biểu hiện nào dưới đây không phải là phủ định siêu hình?
35. A. Người nông dân xay hạt lúa thành gạo ăn B. Gió bão làm cây đổ
36. C. Người tối cổ tiến hóa thành người tinh khôn. D. Con người đốt rừng
37. **Câu 5.**Câu nào dưới đây là biểu hiện của sự phủ định siêu hình?
38. A. Nước chảy đá mòn. B. Dốt đến đâu học lâu cũng biết
39. C. Con hơn cha là nhà có phúc D. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh
40. **Câu 6.**Tục ngữ nào dưới đây là phủ định siêu hình?
41. A. ở bầu thì tròn, ở ống thì dài B. cây có cội, nước có nguồn
42. C. kiến tha lâu cũng đầy tổ D. có thực mới vực được đạo
43. **Câu 7.**Khái niệm dùng để chỉ việc xóa bỏ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng gọi là phủ định
44. A. biện chứng       B. siêu hình
45. C. khách quan       D. chủ quan.
46. **Câu 8.**Nội dung nào dưới đây là đặc trưng của phủ định siêu hình?
47. A. Sự phủ định diễn ra do sự can thiệp, tác động từ bên ngoài.
48. B. Sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật
49. C. Sự phủ định diễn ra do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên
50. D. Sự phủ định diễn ra do ảnh hưởng của hoàn cảnh sống.
51. **Câu 9.**Sự phủ định diễn ra do sự can thiệp, tác động từ bên ngoài hoặc xóa bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật, hiện tượng là phủ định
52. A. Tự nhiên       B. Siêu hình
53. C. Biện chứng       D. Xã hội
54. **Câu 10.**Phủ định biện chứng là sự phủ định diễn ra do
    1. A. Sự tác động của ngoại cảnh B. Sự phát triển của bản thân sự vật, hiện tượng
55. C. Sự tác động của con người D. Sự tác động thường xuyên của sự vật, hiện tượng
56. **Câu 11.**Sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật và hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật và hiện tượng là phủ định
57. A. Biện chứng       B. Siêu hình
58. C. Khách quan       D. Chủ quan
59. **Câu 12.**Khẳng định nào dưới đây không đúng về phủ định biện chứng?
60. A. Phủ định biện chứng kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật, hiện tượng cũ
61. B. Phủ định biện chứng diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật, hiện tượng
62. C. Phủ định biện chứng đảm bảo cho các sự vật, hiện tượng phát triển liên tục
63. D. Phủ định biện chứng không tạo ra và không liên quan đến sự vật mới
64. **Câu 13.** Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về phủ định biện chứng?
65. A. Bão làm đổ cây B. Đổ hóa chất xuống hồ làm cá chết
66. C. Cây lúa trổ bông D. Sen tàn mùa hạ
67. **Câu 14.** Một trong những đặc điểm cơ bản của phủ định biện chứng là
68. A. Tính khách quan B. Tính chủ quan
69. C. Tính di truyền D. Tính truyền thống
70. **Câu 15.** Một trong những đặc điểm cơ bản của phủ định biện chứng là
71. A. Tính kế thừa B. Tính tuần hoàn
72. C. Tính thụt lùi D. Tính tiến lên
73. **Câu 16.** Phủ định biện chứng có những đặc điểm nào dưới đây?
74. A. Tính khách quan và tính kế thừa B. Tính truyền thống và tính hiện đại
75. C. Tính dân tộc và tính kế thừa D. Tính khách quan và tính thời đại
76. **Câu 17.** Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về phủ định biện chứng
77. A. Có trăng quên đèn B. Có mới nới cũ
    1. C. Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ D. Rút dây động rừng
78. **Câu 18.**Nguyên nhân của sự phủ định nằm ngay trong bản thân sự vật hiện tượng. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của phủ định biện chứng?
79. A. Tính khách quan B. Tính truyền thống
80. C. Tính kế thừa D. Tính hiện đại
81. **Câu 19.** Cái mới không ra đời từ hư vô mà ra đời từ trong long cái cũ. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của phủ định biện chứng?
82. A. Tính truyền thống B. Tính thời đại
83. C. Tính khách quan D. Tính kế thừa
84. **Câu 20.** Phủ định của phủ định được hiểu là sự phủ định
85. A. Lần thứ nhất B. Lần hai, có kế thừa
86. C. Từ bên ngoài D. Theo hình tròn
87. **Câu 21.**Biểu hiện nào dưới đây không phải là phủ định biện chứng?
88. A. Xã hội tư bản chủ nghĩa thay thế xã hội phong kiến
89. B. Các giống loài mới thay thế giống loài cũ
90. C. Con người dùng hóa chất tiêu diệt sinh vật
91. D. Học sinh đổi mới phương thức học tập
92. **Câu 22.**Câu tục ngữ nào dưới đây không phải là phủ định biện chứng?
    1. A. Sông lở cát bồi B. Uống nước nhớ nguồn
93. C. Tức nước vỡ bờ D. Ăn cháo đá bát
94. **Câu 23.**Khẳng định nào dưới đây phù hợp với quan điểm phủ định biện chứng?
95. A. Tự phê bình là đánh giá ưu điểm và khuyết điểm của bản thân, nhằm phát huy cái tốt khắc phục cái xấu.
96. B. Phê bình là đánh giá khuyết điểm của bản thân, nhằm khắc phục cái xấu
97. C. Phê bình là chỉ ra khuyết điểm của người khác để họ sữa chữa cho tốt
98. D. Tự phê bình là đánh giá ưu điểm và khuyết điểm, nhằm phát huy điểm mạnh của bản thân
99. **Câu 24.**Câu nào dưới đây thể hiện đặc điểm kế thừa của phủ định biện chứng?
100. A. Người có lúc vinh, lúc nhục. B. Giấy rách phải giữ lấy lề
101. C. Một tiền gà, ba tiền thóc D. Ăn cây nào, rào cây nấy
102. **Câu 25.**Trường hợp nào dưới đây là phủ định biện chứng?
103. A. Đầu tư tiền sinh lãi B. Lai giống lúa mới
104. C. Gạo đem ra nấu cơm D. Sen tàn mùa hạ
105. **Câu 26.**Ví dụ nào dưới đây là biểu hiện của phủ định siêu hình?
106. A. Xóa bỏ hoàn toàn nền văn hóa phong kiến
107. B. Xây dựng nên văn hóa tiên tiến
108. C. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại
109. D. Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc
110. **Câu 27.**Quá trình phát triển từ trứng → tằm → nhộng →bướm → trứng là biểu hiện của
111. A. Phủ định biện chứng B. Phủ định siêu hình
112. C. Phủ định quá khứ D. Phủ định hiện tại
113. **Câu 28.**Câu nào dưới đây là phủ định biện chứng?
114. A. Hết ngày đến đêm B. Hết mưa là nắng
115. C. Hết hạ sang đông D. Hết bĩ cực đến hồi thái lai
116. **Câu 29.**Phương pháp học tập nào dưới đây không phù hợp với yêu cầu của phủ định biện chứng?
117. A. Học vẹt B. Lập kế hoạch học tập
118. C. Ghi thành dàn bài D. Sơ đồ hóa bài học
119. **Câu 30.**Khuynh hướng phát triển tất yếu của sự vật, hiện tượng là quá trình
120. A. Phủ định quá khứ B. Phủ định của phủ định
121. C. Phủ định cái cũ D. Phủ định cái mới
122. **Câu 31.** Theo Triết học Mác – Lênin cái mới phủ định cái cũ, nhưng rồi nó lại bị cái mới hơn phủ định. Đó là sự
123. A. Phủ định sạch trơn B. Phủ định của phủ định
124. C. Ra đời của các sự vật D. Thay thế các sự vật, hiện tượng.
125. **Câu 32.** Trong quá trình vận động và phát triển vô tận của các sự vật hiện tượng, cái mới xuất hiện phủ định cái cũ, nhưng rồi nó lại bị cái mới hơn phủ định. Điều này chỉ ra
126. A. Nguồn gốc phát triển của sự vật, hiện tượng
127. B. Cách thức phát triển của sự vật, hiện tượng
128. C. Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng
129. D. Quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng
130. **Câu 33.**Cái mới ra đời phải trải qua quá trình đấu tranh giữa
131. A. Cái mới và cái cũ B. Cái hoàn thiện và cái chưa hoàn thiện
132. C. Cái trước và sau D. Cái hiện đại và truyền thống
133. **Câu 34.** Sự vận động đi lên, cái mới ra đời thay thế cái cũ nhưng ở trình độ cao hơn, hoàn thiện hơn, đó là
134. A. Cách thức phát triển của sự vật và hiện tượng
135. B. Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng
136. C. Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng
137. D. Hình thức phát triển của sự vật và hiện tượng
138. **Câu 35.** Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng là
139. A. Cái mới ra đời thay thế cái cũ B. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập
140. C. Quá trình lượng đổi dãn đễn chất đổi D. Xóa bỏ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng.
141. **Câu 36.**Theo quan điểm duy vật biện chứng, cái mới ra đời
142. A. Dễ dàng B. Không đơn giản, dễ dàng
143. C. Không quanh co, phức tạp D. Vô cùng nhanh chóng
144. **Câu 37.**Câu nào dưới đây nói về khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng
145. A. Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. B. Con vua thì lại làm vua
146. C. Tre già măng mọc D. Đánh bùn sang ao
147. **Câu 38.** Câu nào dưới đây không nói về khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng?
148. A. Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa B. Tre già măng mọc
149. C. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài D. Nước chảy đá mòn
150. **Câu 39.** Theo quan điểm Triết học, quan điểm nào dưới đây không cản trở sự phát triển của xã hội?
151. A. Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ B. Môn đăng hộ đối
152. C. Trời sinh voi, trời sinh cỏ D. Trọng nam, khinh nữ.
153. **Câu 40.** Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng?
154. A. Cái mới sẽ bị cái mới hơn phủ định B. Cái mới sẽ không bao giờ bị xóa bỏ
155. C. Cái mới không tồn tại được lâu D. Cái mới không ra đời từ trong lòng cái cũ.
156. **Câu 41.**Câu nào dưới đây không đúng ki nói về triển vọng của cái mới?
157. A. Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời B. Song có khúc người có lúc
158. C. Ăn chắc, mặc bền D. Sai một li đi một dặm
159. **Câu 42.**Xã hội loài người từ khi xuất hiện đến nay đã tuần tự phát triển từ thấp đến cao tuân theo quy luật
160. A. Phát triển       B. Vận động
161. C. Nhận thức       D. Khách quan
162. **Câu 43.**Sự vật, hiện tượng sẽ không có sự phát triển nếu
163. A. Cái cũ không mất đi B. Cái tiến bộ không xuất hiện.
164. C. Cái cũ không bị đào thải D. Cái tiến bộ không được đồng hóa
165. **Câu 44.**Khẳng định nào dưới đây đúng khi nói về sự phát triển
166. A. Máy bay cất cánh B. Nước bay hơi
167. C. Muối tan trong nước D. Cây ra hoa kết quả.
168. **Câu 45.**Con đường phát triển của sự vật, hiện tượng diễn ra theo
169. A. Đường cong B. Đường xoáy trôn lốc
170. C. Đường thẳng D. Đường gấp khúc
171. **Câu 46.**Cái mới ra đời, kế thừa và thay thế cái cũ nhưng ở trình độ ngày càng cao hơn, hoàn thiện hơn là thể hiện khuynh hướng nào dưới đây của sự vật và hiện tượng?
172. A. Phát triển       B. Thụt lùi
173. C. Tuần hoàn       D. Ngắt quãng

**BÀI 7: THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN**

**ĐỐI VỚI NHẬN THỨC**

**Câu 1.** Nhận thức được tạo nên do sự tiếp xúc trực tiếp của các cơ quan cảm giác với sự vật, hiện tượng, đem lại cho con người hiểu biết về các đặc điểm bên ngoài của chúng là giai đoạn nhận thức nào dưới đây?

A. Nhận thức lí tính B. Nhận thức cảm tính

C. Nhận thức biện chứng D. Nhận thức siêu hình

**Câu 2.** Quá trình phản ánh sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan vào bộ óc con người, để tạo nên những hiểu biết về chúng, được gọi là

A. Nhận thức       B. Cảm giác

C. Tri thức       D. Thấu hiểu

**Câu 3.** Quá trình nhận thức diễn ra phức tạp, gồm

A. Hai giai đoạn B. Ba giai đoạn

C. Bốn giai đoạn D. Năm giai đoạn

**Câu 4.** Nhận thức cảm tính được tạo nên do sự tiếp xúc

A. Trực tiếp với các sự vật, hiện tượng B. Gián tiếp với các sự vật, hiện tượng

C. Gần gũi với các sự vật, hiện tượng D. Trực diện với các sự vật, hiện tượng

**Câu 5.** Nhận thức cảm tính đem lại cho con người những hiểu biết về các đặc điểm nào dưới đây của sự vật, hiện tượng?

A. Đặc điểm bên trong B. Đặc điểm bên ngoài

C. Đặc điểm cơ bản D. Đặc điểm chủ yếu

**Câu 6.** Nhận thức cảm tính giúp cho con người nhận thức sự vật, hiện tượng một cách?

A. Cụ thể và sinh động B. Chủ quan và máy móc

C. Khái quát và trừu tượng D. Cụ thể và máy móc

**Câu 7.** Để hoạt động học tập và lao động đạt hiệu quả cao, đòi hỏi phải luôn

A. Gắn lí thuyết với thực hành B. Đọc nhiều sách

C. Đi thực tế nhiều D. Phát huy kinh nghiệm bản thân

**Câu 8.** Nhận thức gồm hai giai đoạn nào dưới đây?

A. So sánh và tổng hợp B. Cảm tính và lí tính

C. Cảm giác và tri giác D. So sánh và phân tích

**Câu 9.** Nhận thức cảm tính cung cấp cho nhận thức lí tính những

A. Những tài liệu cụ thể B. Tài liệu cảm tính

C. Hình ảnh cụ thể D. Hình ảnh cảm tính

**Câu 10.** Câu nào dưới đây là biểu hiện của nhận thức lí tính

A. Muối mặn, chanh chua B. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa

C. Ăn xổi ở thì D. Lòng vả cũng như lòng sung.

**Câu 11.** Những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội được gọi là

A. Lao động       B. Thực tiễn

C. Cải tạo       D. Nhận thức

**Câu 12.** Hoạt động thực tiễn gồm mấy hình thức?

A. Hai       B. Ba

C. Bốn       D. Năm

**Câu 14.** Mội dung nào dưới đây không thuộc hoạt động thực tiễn?

A. Hoạt động sản xuất của cải vật chất B. Hoạt động chính trị xã hội

C. Hoạt động thực nghiệm khoa học D. Trái Đất quay quanh mặt trời

**Câu 15.** Ý kiến nào dưới đây đúng khi nói về thực tiễn?

A. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động tinh thần

B. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất

C. Thực tiễn chỉ là những hoạt động lao động

D. Thực tiễn chỉ là những hoạt động khách quan

**Câu 16.** Việc làm nào dưới đây không phải là hoạt động sản xuất vật chất

A. Sáng tạo máy bóc hành tỏi B. Nghiên cứu giống lúa mới

C. Chế tạo rô-bốt làm việc nhà D. Quyên góp ủng hộ người nghèo

**Câu 17.**Trường hợp nào dưới đây không phải là hoạt động chính trị - xã hội

A. ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt B. ủng hộ trẻ em khuyết tật

C. thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ D. trồng rau xanh cung ứng ra thị trường

**Câu 18.** Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản và quan trọng nhất, quy định các hoạt động khác là hoạt động nào dưới đây?

A. Kinh doanh hàng hóa B. Sản xuất vật chất

C. Học tập nghiên cứu D. Vui chơi giải trí

**Câu 19.** Nội dung nào dưới đây không phải là vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Thực tiễn là cơ sở của nhận thức. B. Thực tiễn quyết định toàn bộ nhận thức.

C. Thực tiễn là động lực của nhận thức. D. Thực tiễn là tiêu chuẩn của nhận thức.

**Câu 20.** Câu nào dưới đây thể hiện vai trò của thực tiễn là cơ sở của nhận thức?

A. Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa B. Con hơn cha, nhà có phúc

C. Gieo gió gặt bão D. Ăn cây nào rào cây ấy

**Câu 21.** Câu nào dưới đây không thể hiện vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước

B. Sao dày thì mưa, sao thưa thì nắng

C. Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay thì bão

D. Cái răng cái tóc là vóc con người

**Câu 22.** Câu nào dưới đây thể hiện thực tiễn là động lực của nhận thức?

A. Cái ló khó cái khôn B. Con vua thì lại làm vua

C. Con hơn cha là nhà có phúc D. Kiến tha lâu cũng đầy tổ

**Câu 23.** Bác Hồ từng nói: “Lí luận mà không liên hệ với thực tiễn là lí luận suông”. Câu nói của Bác có nghĩa: thực tiễn là

A. Cơ sở của nhận thức B. Động lực của nhận thức

C. Mục đích của nhận thức D. Tiêu chuẩn của chân lí

**Câu 24.** Câu nào dưới đây không nói về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Học đi đôi với hành B. Đi một ngày đàng, học một sang khôn

C. Trăm hay không bằng tay quen D. Dốt đến đâu học lâu cũng biết

**Câu 25.** Trong cuộc sống học tập, lao động sản xuất, thực nghiệm khoa học, hoạt động chính trị - xã hội, chúng ta cần phải coi trọng

A. Hoạt động thực tiễn B. Nghiên cứu khoa học

C. Đào tạo nhân lực D. Hoạt động sản xuất

**Câu 26.** Để đánh giá một người theo quan điểm của Triết học, nên xem xét ở góc độ nào dưới đây?

A. Ấn tượng ban đầu ntn B. Thông qua các mối quan hệ

C. Quan sát một vài lần việc họ làm D. Gặp gỡ nhiều lần.

**Câu 27.** Khẳng định nào dưới đây đúng khi nói thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lí

A. Cá không ăn muối cá ươn B. Học thày không tày học bạn

C. Ăn vóc học hay D. Con hơn cha là nhà có phúc

**Câu 28.** Các nhà khoa học tìm ra vắc – xin phòng bệnh và đưa vào sản xuất. điều này thể hiện vai trò nào dưới đây của thực tiễn

A. Cơ sở của nhận thức B. Mục đích của nhận thức

C. Động lực của nhận thức D. Tiêu chuẩn của chân lí

**Câu 29.** Con người quan sát mặt trời, từ đó chế tạo các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời điều này thể hiện vai trò nào dưới đây của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Mục đích của nhận thức B. Động lực của nhận thức

C. Cơ sở của nhận thức D. Tiêu chuẩn của chân lí

**Câu 30.** Con người thám hiểm vòng quanh trái Đất và chụp ảnh trái đất từ vệ tinh. Điều này thể hiện vai trò nào dưới đây của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Tiêu chuẩn của chân lí B. Động lực của nhận thức

C. Cơ sở của nhận thức D. Mục đích của nhận thức

**Câu 31.** Những tri thức về Toán học đều bắt nguồn từ

A. Thực tiễn       B. Kinh nghiệm

C. Thói quen       D. Hành vi

**Câu 32.** Tri thức của con người có thể đúng đắn hoặc sai lầm, do đó cần phải đem những tri thức đó kiểm nghiệm qua

A. Thực tiễn       B. Thói quen

C. Hành vi       D. Tình cảm

**Câu 33.** Việc làm nào dưới đây không phải là vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa thực tiễn và nhận thức?

A. Làm kế hoạch nhỏ B. Làm từ thiện

C. Học tài liệu sách giáo khoa D. Tham quan du lịch

**Câu 34.** Chỉ có đem những tri thức mà con người thu nhận được kiểm nghiệm qua thực tế mới đánh giá được tính đúng đắn hay sai lầm của chúng. Điều này thể hiện, thực tiễn là

A. Cơ sở của nhận thức B. Mục đích của nhận thức

C. Động lực của nhận thức D. Tiêu chuẩn của chân lí

**Câu 35.** Các tri thức khoa học chỉ có giá trị khi được vận dụng vào thực tiễn. điều này thể hiện, thực tiễn là

A. Cơ sở của nhận thức B. Mục đích của nhận thức

C. Động lực của nhận thức D. Tiêu chuẩn của chân lí

**Câu 36.** Luôn vận động và đặt ra những yêu cầu mới cho nhận thức là thể hiện vai trò nào dưới đây của thực tiễn?

A. Cơ sở của nhận thức B. Mục đích của nhận thức

C. Động lực của nhận thức D. Tiêu chuẩn của chân lí

**Câu 37.** Thực tiễn là động lực của nhận thức vì

A. Luôn đặt ra những yêu cầu mới

B. Luôn cải tạo hiện thực khách quan

C. Thường hoàn thiện những nhận thức chưa đầy đủ

D. Thường kiểm nghiệm tính đúng đắn hay sai lầm